

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1207/2019/DS-PT

Ngày: 24/12/2019

V/v: “*Tranh chấp hứa thưởng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hòa

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Nhung

Bà Phạm Thị Thảo

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Lê Quỳnh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:* Ông Phạm Duy Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18, 24 tháng 12 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 489/2019/TLPT-DS ngày 15/10/2019 về việc “*Tranh chấp hứa thưởng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 326/2019/DS-ST ngày 30/8/2019 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5790/2019/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Thái Thị Bảo H**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Số 772/39 đường D, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền ngày 26/02/2018 tại Văn phòng Công chứng Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn: **Công ty TNHH R.**

Đại diện theo pháp luật:

1. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1982 - Giám đốc.

2. Ông **W**, sinh năm 1962 - Tổng Giám đốc.

Trụ sở: Số 09 Đường G, Phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền:

1. Ông **Vũ Duy N**, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: 211M Đường F, Tổ 6, Khu phố 1, phường I, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà **Lê Thị Thu T**, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: 1041/80/15 Đường K, phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 19/11/2019-RTMT ngày 19/11/2019).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Công ty TNHH V.**

Đại diện theo pháp luật: Bà **Thái Thị Bảo H** - Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Phạm Thị T** - Phó Giám đốc.

(Giấy ủy quyền ngày 01/4/2019).

Địa chỉ 1: L14-08B, Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Đường N, phường O, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ 2: Số 14-16-18 Đường Q, phường O, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và quá trình xét xử, nguyên đơn bà Thái Thị Bảo H có ông Nguyễn Văn P là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 11/8/2016 Công ty TNHH R (sau đây gọi tắt là Công ty R) và Công ty TNHH V (gọi tắt là Công ty V) do nguyên đơn bà Thái Thị Bảo H làm đại diện theo pháp luật có ký hợp đồng kinh tế số. R-V-2016-01. Để thực hiện hợp đồng, đại diện Công ty R có thỏa thuận khi ký được hợp đồng trên với Công ty V thì Công ty R sẽ thanh toán cho bà H số tiền 200.000.000 (*Hai trăm triệu*) đồng.

Tuy nhiên, sau đó Công ty R không trả cho bà H số tiền như đã hứa. Sau nhiều lần gửi email, tin nhắn, gọi điện thoại yêu cầu thì ngày 02/6/2017, Công ty R đã chuyển 120.000.000 (*Một trăm hai mươi triệu*) đồng vào tài khoản của bà H (theo Lệnh chuyển tiền điện tử của Ngân hàng TMCP Á Châu HCM). Số tiền 80.000.000 đồng còn lại, đến nay Công ty R vẫn chưa thanh toán cho bà H.

Ngày 06/6/2017, Công ty R gửi thư điện tử cho bà H yêu cầu được căn trừ số tiền 80.000.000 đồng còn lại vào số tiền phạt chậm thanh toán theo Hợp đồng số. R-V-2016-01 mà hai Công ty đã ký.

Ngày 04/7/2017, đại diện theo ủy quyền của bà H đã gửi thư cho Công ty R với yêu cầu thanh toán số tiền 80.000.000 đồng còn lại trước ngày 10/7/2019 và cũng giải thích rõ khoản tiền trên không liên quan đến việc thanh toán hay bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng kinh tế đã ký, ngoài ra hợp đồng cũng không có điều khoản nào quy định về việc phạt chậm thanh toán như phía bị đơn trình bày trong thư điện tử ngày 06/6/2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà H yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH R phải thanh toán cho bà H số tiền 80.000.000 đồng chưa thanh toán theo thỏa thuận; thanh toán tiền lãi phát sinh do chậm trả với lãi suất 9%/năm của 200.000.000 đồng, trong hời hạn 10 tháng (tính từ tháng 08/2016 đến 06/2017) là 15.000.000 đồng ($200.000.000 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} \times 10 \text{ tháng}/12$). Tiền lãi chậm trả của 80.000.000 đồng (tính từ ngày 03/6/2017 đến ngày 28/6/2019) là 15.000.000 đồng. Tổng cộng là 110.000.000 (*Một trăm mười triệu*) đồng. Đồng thời, yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất như trên cho đến ngày thực trả.

Bị đơn Công ty TNHH R: Theo bản án sơ thẩm là đã được Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tại Công văn ngày 06/11/2017, bị đơn có văn bản phúc đáp về Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, theo đó bị đơn có xác nhận việc ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty V và chỉ thừa nhận việc môi giới hoa hồng là thỏa thuận giữa bị đơn và Công ty V, chứ không có bất kỳ thỏa thuận nào liên quan đến số tiền trên với cá nhân bà Thái Thị Bảo H. Ngoài ra, bị đơn không có ý kiến hoặc đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH V có đại diện theo ủy quyền là bà Phạm Thị T trình bày: Tại bản tường trình ngày 04/4/2019, Công ty TNHH V xác nhận có ký kết hợp đồng kinh tế với bị đơn như trình bày của bà H. Việc giao kết và thực hiện hợp đồng giữa hai bên đến nay không có tranh chấp. Khi giao kết hợp đồng, hai bên Công ty không có thỏa thuận chi phí môi giới nào. Việc thỏa thuận (nếu có) là sự thỏa thuận giữa cá nhân bà Thái Thị Bảo H với Công ty TNHH R. Công ty TNHH V không liên quan đến thỏa thuận

này. Đồng thời, xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải và xét xử vụ án.

Tại Bản án sơ thẩm số 326/2019/DS-ST ngày 30/8/2019, của Toà án nhân dân Quận A đã căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm e khoản 1 Điều 192; Điều 203; Điều 220; khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 281, 290, 305, 590, 592 Bộ luật dân sự năm 2005. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH R có trách nhiệm thanh toán cho bà Thái Thị Bảo H số tiền hứa thưởng còn thiếu tổng cộng là 111.200.000 (*Một trăm mười một triệu hai trăm nghìn*) đồng, gồm: 80.000.000 (*Tám mươi triệu*) đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả thưởng, cụ thể đối với toàn bộ số tiền 200.000.000 đồng (tính từ tháng 08/2016 đến tháng 06/2017 là 10 tháng x 9%/năm) : 12 tháng là 15.000.000 (*Mười lăm triệu*) đồng và tiền lãi phát sinh đối với khoản chậm trả 80.000.000 đồng theo mức lãi suất 9%/năm tính từ ngày 03/6/2017 đến ngày 30/8/2019 là 16.200.000 đồng.

Kể từ ngày 31/8/2019 trở đi, Công ty TNHH R còn phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất 9%/năm trên số tiền chậm trả cho đến khi trả dứt số tiền còn thiếu cho bà H.

2. Về án phí: Công ty TNHH R phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 5.560.000 (*Năm triệu năm trăm sáu mươi nghìn*) đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và thời hạn, quyền, nghĩa vụ yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/9/2019 bị đơn Công ty TNHH R do ông W (Tổng giám đốc và là người đại diện theo pháp luật) kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 326/2019/DS-ST ngày 30/8/2019 của Toà án nhân dân Quận A với lý do Tòa án Quận A xét xử không đúng sự thật giữa các bên. Theo Hợp đồng mua bán số. R-V-2016-01 đã ký kết giữa Công ty V và Công ty R vào ngày 11/8/2016... Hai bên thỏa thuận: Để bán được hàng cho Công ty V, Công ty R sẽ trích 5% trước thuế giá trị gia tăng (tương đương 200.000.000 đồng) trên phần giá trị hợp đồng để thanh toán cho Công ty V... thống nhất thời điểm Công ty V thanh toán đủ số tiền theo hợp đồng cho R cũng sẽ được tính là ngày Công

ty R đến hạn phải thanh toán cho khoản tiền hoa hồng 5% trên cho Công ty V. Thỏa thuận trên do hai bên trao đổi bằng email vào ngày 21/7/2016. Tuy nhiên, Công ty V chậm trễ 04 tuần trong việc thanh toán đủ tiền mua xe nâng, mãi đến ngày 26/5/2017, mới hoàn thành nghĩa vụ thanh toán đủ số tiền theo hợp đồng nên ngày này sẽ được tính là ngày đến hạn thanh toán cho nghĩa vụ 5% theo thỏa thuận của Công ty R đối với Công ty V. Ngày 02/6/2017, Công ty R đã thanh toán 120.000.000 đồng cho Công ty V thông qua chuyển khoản, 80.000.000 đồng còn lại Công ty R đã giải trình lý do qua email và văn bản trực tiếp cho người đại diện theo pháp luật của Công ty V là bà Thái Thị Bảo H: Do Công ty V chậm trễ thanh toán theo hợp đồng mua bán giữa hai bên (tương đương 80.000.000 đồng) nên Công ty R sẽ cắt trừ 80.000.000 đồng công nợ cho thỏa thuận 5%. Ngày 04/7/2017, đại diện bà H có phản hồi email đề nghị thanh toán 80.000.000 đồng còn lại. Việc bà H phản hồi email cho ông W và nhân viên Công ty R để yêu cầu thanh toán 80.000.000 đồng với tư cách là Giám đốc (người đại diện theo pháp luật) của Công ty V, không phải với tư cách đòi quyền lợi cho cá nhân bà H. Điều này thể hiện trong một số email trao đổi qua lại giữa hai bên, email mà bà H sử dụng để trao đổi là email của Công ty V, ghi rõ họ tên, chức danh, địa chỉ công ty, số điện thoại, số fax, website công ty... Tất cả các email mà bà H gửi có nội dung yêu cầu thanh toán 80.000.000 đồng, đều trong nội dung trao đổi mua bán xe nâng giữa hai doanh nghiệp pháp nhân, không phải giữa Công ty R với bất cứ cá nhân nào. Những email bà H gửi cho Công ty R chưa lần nào Công ty thừa nhận số tiền tranh chấp trên là tiền thanh toán cho cá nhân bà H. Công ty R cũng đã trả lời bằng văn bản cho Tòa án sơ thẩm là chỉ thỏa thuận với Công ty V, không thỏa thuận với cá nhân bà H. Do đó, bị đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm, không công nhận tranh chấp trên là tranh chấp giữa Công ty R với cá nhân bà Thái Thị Bảo H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn Công ty TNHH R có bà Lê Thị Thu T và ông Vũ Duy N là người đại diện theo ủy quyền nộp bổ sung 02 (Hai) Hợp đồng lao động của Công ty ký ngày 15/7/2017 với bà Phạm Thị T1, thời hạn 01 năm công việc phụ trách đặt hàng...; bà Lê Thị Vi N ký ngày 05/9/2018, thời hạn 01 năm với công việc kế toán và có ý kiến hai người này không phải là văn thư theo quy định của Bộ luật

tổ tụng dân sự, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt các văn bản tố tụng: Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập... cho hai người này mà không giao cho đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật tố tụng dân sự. Quyết định đưa vụ án ra xét xử không tổng đạt trực tiếp cho Công ty mà niêm yết tại địa phương; văn bản tố tụng ghi không đúng tên Công ty TNHH R... do đó bị đơn không biết để tham gia phiên tòa và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Về nội dung, việc bà H yêu cầu Công ty R trả số tiền tổng cộng 111.200.000 đồng là không có cơ sở. Không có tài liệu nào thể hiện việc hứa thưởng giữa cá nhân bà H và Công ty R. Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai quan hệ tranh chấp... Khoản tiền này là tiền môi giới, căn cứ theo quy định tại Điều 151 Luật Thương mại, thì phải áp dụng Luật thương mại giải quyết. Bà H là đại diện theo pháp luật, đứng ra ký hợp đồng thì không phải là người môi giới và nếu có thỏa thuận cũng không đúng quy định pháp luật, số tiền 120.000.000 đồng Công ty R đã chuyển nhầm vào tài khoản bà H. Bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và áp dụng sai điều luật. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm xét xử lại để đảm bảo quyền lợi cho bị đơn.

Nguyên đơn bà Thái Thị Bảo H có ông Nguyễn Văn P là đại diện theo ủy quyền không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Ông cho rằng Bản án sơ thẩm không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Theo Hợp đồng mua bán đã ký giữa hai Công ty, không có thỏa thuận và điều khoản nào về phí hoa hồng mà bị đơn có hứa với bà H ký được hợp đồng sẽ thanh toán 200.000.000 đồng, nhưng không trả số tiền đã hứa nên bà H đã gửi email đòi và bị đơn đã chuyển số tiền 120.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân bà H, nay không trả số tiền 80.000.000 đồng và lãi chậm trả theo quy định pháp luật là không đúng nên yêu cầu phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả tiền như đã hứa. Thực tế số tiền 120.000.000 đồng Công ty V không nhận mà là cá nhân bà H đã nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm liên quan đến vụ án:

- *Về tố tụng*: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký và các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là Hợp đồng mua bán “R-V-2016-01” đã ký kết giữa Công ty V và Công ty R vào ngày 11/8/2016; Văn bản phúc đáp ngày 06/11/2017 của bị đơn gửi Tòa án cấp sơ thẩm; Lệnh chuyển tiền điện tử số tiền 120.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân bà Thái Thị Bảo H; các email trao đổi giữa nguyên đơn và bị đơn; Thông báo phạt chậm thanh toán... Có căn cứ xác định Công ty R và bà Thái Thị Bảo H có thỏa thuận phí môi giới là 200.000.000 đồng và bị đơn đã thanh toán 120.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân bà H, nay phải tiếp tục thanh toán số tiền còn lại là 80.000.000 đồng và lãi chậm trả theo yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Công ty V không thừa nhận có thỏa thuận với Công ty R về khoản tiền 200.000.000 đồng. Công ty R không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận A, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thời hạn và phạm vi kháng cáo:

Kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH R còn trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, việc bổ sung yêu cầu kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm về việc hủy án sơ thẩm của bà Lê Thị Thu T và ông Vũ Duy N là đại diện theo ủy quyền của bị đơn, vẫn phù hợp với phạm vi kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm tại đơn kháng cáo nên được xem xét.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Đối với kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm, lý do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng của đại diện bị đơn:

Xét việc xác định quan hệ tranh chấp; áp dụng pháp luật tố tụng và luật nội dung thấy: Từ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến phản bác của bị đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “*hứa thưởng*” và áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết là chính xác. Vì đây là việc thực hiện nghĩa vụ dân sự theo thỏa thuận “*bằng lời*”

nói” như chính đại diện bị đơn thừa nhận tại email gửi cho nguyên. Thỏa thuận này không có tại Hợp đồng mua bán số. R-V-2016-01.

Xét các Biên bản tổng đạt các Văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo thụ lý vụ án bổ sung; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định đổi chất (các BL 30, 40, 41, 42, 43, 39, 32, 31, 29, 27, 21, 23, 20, 18, 15, 14, 13, 11, 08, 05, 03...) và nhiều văn bản tố tụng khác có tại hồ sơ đều được Thư ký Tòa án nhân dân Quận A, Văn phòng Thừa phát Lại tổng đạt trực tiếp hoặc niêm yết đối với Công ty TNHH R, tại địa chỉ Phòng 2.18, Số 9 Đường G, phường 1, Quận A. Những văn bản tố tụng của Tòa án Quận A nếu do bà T1, bà Na nhận thì có đóng dấu treo của chính Công ty TNHH R và có văn bản do chính bà Nguyễn Thị H nhận trực tiếp như thừa nhận của đại diện bị đơn là Công ty không văn thư. Có văn bản tố tụng do Văn phòng Thừa phát lại đến tổng đạt nhưng Công ty không có người nhận nên phải thực hiện niêm yết. Do đã được tổng đạt nên bị đơn đã biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đã có ý kiến tại Công văn ngày 06/11/2017 gửi Tòa án cấp sơ thẩm nêu rõ ý kiến không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, nhưng vẫn không đến tham gia phiên tòa dù phiên tòa được mở đến 05 lần và bị đơn đều đã được triệu tập hợp lệ, là đã không chấp hành nghĩa vụ tham gia tố tụng và tự từ bỏ quyền tham gia phiên họp, hòa giải, phiên tòa theo quy định tại các Điều 70, Điều 72, Điều 200, Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bị đơn là có cơ sở theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, nên không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[2.2] Đối với lý do và yêu cầu tại đơn kháng cáo của bị đơn xét thấy:

- Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với các chứng cứ chính là từ sự thừa nhận của bị đơn tại Đơn kháng cáo và các chứng cứ nộp kèm theo đơn; chứng cứ có tại hồ sơ được bị đơn thừa nhận là Hợp đồng mua bán số. R-V-2016-01 ngày 11/8/2016; Ý kiến của bị đơn tại Công văn ngày 06/11/2017; Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Lệnh chuyển tiền điện tử ngày 02/6/2017; Các email trao đổi giữa bà H và chính người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH R là bà Nguyễn Thị H, ông W; Thông báo phạt chậm thanh toán của Công ty TNHH R; Thông báo yêu cầu thanh toán 80.000.000 đồng ngày 04/7/2017 của bà H... Có cơ sở khẳng

định Công ty TNHH R có thỏa thuận bằng lời nói về việc trả phí hoa hồng với số tiền là 200.000.000 đồng cho bà Thái Thị Bảo H là đại diện theo pháp luật của Công ty V, khi Hợp đồng mua bán kể trên được ký kết. Tuy nhiên, do bị đơn không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền như đã hứa nên bà H đã có văn bản yêu cầu và bị đơn đã thanh toán số tiền 120.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân bà H tại Ngân hàng TMCP Á Châu ngày 02/6/2017, mà không phải là tài khoản của Công ty V. Số tiền 80.000.000 đồng còn lại theo thỏa thuận, Công ty R có Thông báo phạt chậm thanh toán căn cứ vào quy định tại Hợp đồng mua bán số. R-V-2016-01 ngày 11/8/2016 và căn trừ vào tiền hoa hồng còn lại nhưng không được nguyên đơn đồng ý, trong khi tại khoản 7 của Hợp đồng này chỉ quy định về việc phạt do giao hàng trễ, không liên quan đến việc khấu trừ chi phí môi giới mà bị đơn có nghĩa vụ phải trả. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định *“đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ việc”*.

- Căn cứ Điều 5, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự, bà Thái Thị Bảo H có quyền quyết định việc khởi kiện. Từ đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu và nộp tiền tạm ứng án phí của bà H, Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý, xem xét yêu cầu khởi kiện của Bà H với tư cách là nguyên đơn và xác định đây là tranh chấp giữa cá nhân bà H với Công ty TNHH R, Công ty TNHH V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, là hoàn toàn đúng quy định pháp luật.

[2.3] Như vậy, với chứng cứ phân tích kể trên và căn cứ pháp luật đã viện dẫn cho thấy bị đơn không chứng minh được thỏa thuận về khoản tiền hoa hồng 200.000.000 đồng đã hứa là thỏa thuận giữa hai Công ty, mà đây là thỏa thuận giữa Công ty TNHH R với cá nhân bà Thái Thị Bảo H. Do bị đơn đã thanh toán 120.000.000 đồng theo thỏa thuận vào tài khoản cá nhân bà H là đã xác nhận nghĩa vụ dân sự giữa bị đơn với nguyên đơn theo quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự 2005 về việc đã hứa thưởng 200.000.000 đồng. Số tiền 80.00.000 đồng còn lại bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán theo yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, kể cả tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 286, 290 Bộ luật dân sự 2005, với mức lãi suất 9%/năm. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ quy định pháp luật, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

bà Thái Thị Bảo H, buộc bị đơn Công ty TNHH R phải có trách nhiệm thanh toán cho bà H số tiền còn thiếu là 80.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đối với việc chậm thanh toán (của số tiền 200.000.000đ x 9%/năm x 10 tháng : 12 tháng - từ tháng 08/2016 đến 06/2017) là 15.000.000 đồng; tiền lãi phát sinh về việc chậm trả 80.000.000 đồng là 16.200.000 đồng (tính từ ngày 03/6/2017 đến ngày 30/8/2019 với lãi suất 9%/năm). Tổng cộng là 111.200.000 đồng. Đồng thời, tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất như trên cho đến ngày thực trả là đúng quy định pháp luật. Tổng số tiền 111.200.000 đồng bị đơn có nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn bà H đã bao gồm tiền gốc và lãi chậm trả được tính kể từ ngày chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, nhưng Bản án sơ thẩm quyết định tiếp tục trả lãi kể từ ngày 31/8/2019 cho đến khi trả dứt số tiền còn thiếu là chưa rõ theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019//NQ-HĐTP ngày 11/01/201, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm cần điều chỉnh lại cho phù hợp. Riêng lãi suất 9%/năm là do nguyên đơn tự nguyện yêu cầu nên chấp nhận.

[2.4] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH R và người đại diện theo ủy quyền.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH R phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 5.560.000 (*Năm triệu năm trăm sáu mươi nghìn*) đồng tương ứng với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận và 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0024647 ngày 26/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A. Nguyên đơn bà Thái Thị Bảo H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà H tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.390.000 (*Hai triệu ba trăm chín mươi nghìn*) đồng theo Biên lai thu số AG/2014/0008111 ngày 29/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 283, 290, 305, 590, 592 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Điều 26, 29 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Các Điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung 2014.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH R, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 326/2019/DS-ST ngày 30/8/2019 của Tòa án nhân dân Quận A.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Thị Bảo H.

Buộc bị đơn Công ty TNHH R phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Thái Thị Bảo H số tiền hứa thưởng còn thiếu và tiền lãi chậm trả tổng cộng là 111.200.000 (*Một trăm mười một triệu hai trăm nghìn*) đồng, gồm: 80.000.000 (*Tám mươi triệu*) đồng chưa trả và 31.200.000 (*Ba mươi một triệu hai trăm nghìn*) đồng tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả thưởng (trong đó lãi chậm thanh toán của 200.000.000 đồng là 15.000.000 đồng và lãi chậm thanh toán của 80.000.000 đồng là 16.200.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 9%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Công ty TNHH R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.560.000 (*Năm triệu năm trăm sáu mươi nghìn*) đồng. Hoàn trả cho bà Thái Thị Bảo H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.390.000 (*Hai triệu ba trăm chín mươi nghìn*) đồng theo Biên lai thu số AG/2014/0008111 ngày 29/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Công ty TNHH R phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2018/0024647 ngày 26/9/2019 (Do bà Lê Thị Thu T đại diện nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A.

3. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thảo thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7.7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**